Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8480.79.10

Mã HS	8480.79.10
Mô tả hàng hóa	Hộp khuôn đúc kim loại; đế khuôn; mẫu làm khuôn; khuôn dùng cho kim loại (trừ khuôn đúc thỏi), carbua kim loại, thủy tinh, khoáng vật, cao su hoặc plastic / - Khuôn đúc cao su hoặc plastic: / - - Loại khác: / - - - Khuôn làm đế giày, dép
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 22:08:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84807910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14506
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14506
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14506
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13857
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13798
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13798
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13798
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13798
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13798
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13798
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13852
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13852

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13852
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13852
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13852
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13852
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13853
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13853
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13853
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13853
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13853
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13853
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13856
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13804
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13812
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13812
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13812
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13812
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13812
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13812
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13843
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13843
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13843
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13843
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13843
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13843
VCFTA	2022	2022	3	VC!D13892
VCFTA	2023	2023	3	VC!E13892

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13892
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13892
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13892
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13892
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13875
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13875
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13875
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13875
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13875
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13875
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D13875
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E13875
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F13875
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G13875
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H13875
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13875
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13890
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13890
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13890
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13890
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13890
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13890
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13889
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13889
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13889
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13889

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13889
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13889
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13869
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13869
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13869
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13869
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13869
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13869
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13869
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13877
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13877
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13877
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13877
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13877
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13877
RCEP B	2022	2022	0	B!D13877
RCEP B	2023	2023	0	B!E13877
RCEP B	2024	2024	0	B!F13877
RCEP B	2025	2025	0	B!G13877
RCEP B	2026	2026	0	B!H13877
RCEP B	2027	2027	0	B!I13877
RCEP C	2022	2022	0	C!D13877
RCEP C	2023	2023	0	C!E13877
RCEP C	2024	2024	0	C!F13877
RCEP C	2025	2025	0	C!G13877
RCEP C	2026	2026	0	C!H13877

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13877
RCEP D	2022	2022	0	D!D13876
RCEP D	2023	2023	0	D!E13876
RCEP D	2024	2024	0	D!F13876
RCEP D	2025	2025	0	D!G13876
RCEP D	2026	2026	0	D!H13876
RCEP D	2027	2027	0	D!I13876
RCEP E	2022	2022	0	E!D13880
RCEP E	2023	2023	0	E!E13880
RCEP E	2024	2024	0	E!F13880
RCEP E	2025	2025	0	E!G13880
RCEP E	2026	2026	0	E!H13880
RCEP E	2027	2027	0	E!I13880
RCEP F	2022	2022	0	F!D13877
RCEP F	2023	2023	0	F!E13877
RCEP F	2024	2024	0	F!F13877
RCEP F	2025	2025	0	F!G13877
RCEP F	2026	2026	0	F!H13877
RCEP F	2027	2027	0	F!I13877
VIFTA	2024	2024	2,7	VI!F12885
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G12885
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H12885
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I12885

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8480.79 có 2 dòng thuế; dòng 8480.79.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khuôn làm đế giày, dép.	8480.79.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8480.79.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8480.79.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14506), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.